TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HSST.
Ngày 11/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Đức Năm .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Tiến và ông Nguyễn Thế Long.

Thư ký phiên toà: Bà Tạ Thị Bích Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Y, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đình Học, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 16/2018/HSST ngày 02/3/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HS ngày 27/3/2018 đối với các ***bị cáo:***

1. Lương Văn D - SN 1992.

Nơi cư trú : Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lương Văn Th và bà Giáp Thị Ch; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/11/2017 đến ngày 26/01/2018 được thay thế biện pháp cho bảo lĩnh.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thị M- SN: 1975**;

Nơi cư trú: Khu phố V, Phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Phương T và bà Nguyễn Thị B; chồng: Nguyễn Đức C (đã chết); có 02 con: Con lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3. **Phạm Thị S - SN 1991**.

Nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện Y , tỉnh Nam Định.

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn I và bà Phạm Thị H; chồng Vũ Văn K; có 01 con sinh 21/11/2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 23/11/2017 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

4. Ngô Văn B – SN 1991.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Ngô Văn Ch và bà Nguyễn Thị Ng; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2017 đến 26/01/2018 được thay thế biện pháp cho bảo lĩnh.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.Ông Lương Văn Th sinh năm 1967. Có mặt.

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2.Ông Phạm Văn I sinh năm 1966. Có mặt.

Trú tại: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng thời gian từ cuối tháng 10/2017 đến ngày 22/11/2017, Lương Văn D đó đặt vấn đề nhờ Nguyễn Thị M làm và in giấy viện của Bệnh viện đa khoa (BVĐK) tỉnh Bắc Ninh và BVĐK tỉnh Bắc Giang cho D. D đã đưa mẫu giấy ra viện mà D mua được có dấu đỏ của BVĐK tỉnh Bắc Giang và mẫu dấu đỏ của BVĐK tỉnh Bắc Ninh đến nhờ M làm hộ. D đã đặt M làm tổng cộng 33 giấy viện trong đó có 21 giấy ra viện của BVĐK tỉnh Bắc Ninh, 02 giấy ra viện của BVĐK tỉnh Bắc Giang, 07 giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng Bảo hiểm xã hội (BHXH) của BVĐK tỉnh Bắc Ninh, 02 giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH của BVĐK tỉnh Bắc Giang, 01 giấy xác nhận nằm viện của BVĐK tỉnh Bắc Ninh và trả M 320.000đ. D đã vứt 02 giấy ra viện trong đó có 01 giấy ra viện của BVĐK tỉnh Bắc Giang, 01 giấy ra viện của BVĐK tỉnh Bắc Ninh. D đã ký giả chữ ký của Bác sỹ vào 25 giấy ra viện, viết giả nội dung vào 02 giấy ra viện. Sau đó D đã bán cho Phạm Thị S 28 giấy thu được 1.500.000 đồng. S đã viết giả nội dung và ký vào 02 giấy ra viện và 01 giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH nhưng chưa bán được, S còn ký giả vào 02 giấy ra viện bán được 500.000 đồng. Trong cả 02 lần D bán giấy viện cho S thì Ngô Văn B là người được S nhờ đi gặp D để nhận giấy viện, B biết là giấy viện giả nhưng vẫn đồng ý lấy giấy viện hộ S. Ngoài ra B còn dùng xe mô tô của mình chở S đi bán 02

giấy ra viện cho đối tượng có nickname tên "Nguyễn Chuẩn" thu được 500.000 đồng. Số tiền này S và B cùng ăn tiêu hết. Ngày 22/11/2017, khi S bán cho H 23 giấy viện các loại của BVĐK tỉnh Bắc Ninh thì lực lượng công an bắt quả tang và thu giữ tại lòng bàn tay trái của S số tiền 5.000.000 đồng là tiền mà S vừa bán 23 giấy viện cho H; thu giữ của B 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masster màu đỏ IMEI 1:301014172263698, IMEI 2: 301014172263706 bên trong có gắn 02 sim là 0947815621 và 0989104851 và 01 chiếc xe mô tô BKS 29N8-8074.

Vật chứng thu giữ gồm:

Thu giữ tại nhà M: 01 máy HP ScanJet 200 màu đen trắng đã qua sử dụng, có số seri CN5BPB13CH; 01 máy in nhãn hiệu Canon màu đen loại IX6770 số seri ADHA38985 đã qua sử dụng; 01 CPU máy tính để bàn, màu đen không rõ nhãn hiệu đã qua sử dụng.

Thu giữ tại phòng trọ của D: 02 giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH của BVĐK tỉnh Bắc Ninh đều đã ghi nội dung và ký tên Bác sỹ và 01 giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH của BVĐK tỉnh Bắc Giang chưa ghi nội dung.

Thu giữ tại phòng trọ của S: 01 giấy ra viện của BVĐK tỉnh Bắc Giang; 01 giấy ra viện của BVĐK tỉnh Bắc Ninh và 01 giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng chế độ BHXH của BVĐK tỉnh Bắc Giang (cả 03 giấy đều có viết nội dung và chữ ký của Bác sỹ).

Tại bản kết luận giám định số 03/GĐ-PC54 ngày 23/11/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung "BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BẮC NINH" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A23) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung "BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BẮC NINH" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A23) là hình dấu giả được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký, dấu chức danh dưới mục "Giám đốc bệnh viện" đứng tên Giám đốc Hạ Bá Ch trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1 đến A18) so với chữ ký, dấu chức danh của ông Hạ Bá Ch giám đốc bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M2,M3) không phải do cùng một người ký, một con dấu đóng ra.

Tại Bản kết luận giám định số 06/GĐ-PC54 ngày 25/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung "BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BẮC NINH" trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu từ A24 đến A26) so với hình dấu tròn có cùng nội dung của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh trên các tài liệu mẫu so sánh

(Ký hiệu M3) không phải do cùng một con dấu đóng ra. Là hình dấu giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký, dấu chức danh dưới mục "Giám đốc bệnh viện" đứng tên "Giám đốc Hạ Bá Ch" trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A26) so với chữ ký, dấu chức danh của ông Hạ Bá Ch - Giám đốc bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2,M2) không phải do cùng một người ký, một con dấu đóng ra. Là hình dấu giả, được tạo bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn có nội dung " BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BẮC GIANG" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A27 đến A29) là hình dấu giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký, dấu chức danh dưới mục "Giám đốc bệnh viện" và "xác nhận chữ ký của y, bác sỹ" đứng tên "Giám đốc Nguyễn Văn Đ' trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A27 đến A29) so với chữ ký và dấu chức danh của ông Nguyễn Văn Đ- Giám đốc bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M4) không phải do cùng một người ký, một con dấu đóng ra. Là hình dấu giả được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký dưới mục "Giám đốc bệnh viện" đứng tên Hạ Bá Ch và "y bác sỹ KCB" đứng tên Nguyễn Việt D trên tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A23) so với chữ ký giả mang tên Hạ Bá Ch, Nguyễn Việt D do Lương Văn D ký giả trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M6,M7) do cùng một người thực hiện.

- Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu A26,A28,A29) so với chữ viết, chữ ký của Phạm Thị S trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M9,M10) do cùng một người viết, ký ra.

- Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A24,A25) so với chữ viết, chữ ký của Lương Văn D trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M5 đến M7) do cùng một người viết, ký ra.

- Trong CPU máy tính màu đen, gửi giám định có 02 File cụ thể:

+ File "E/SỞ Y TẾ BẮC GIANG" được tạo lúc 09 giờ 29 phút sáng ngày 29/10/2017.

+File "E/SỞ Y TẾ BẮC NINH" được tạo lúc 12 giờ 38 phút chiều ngày 12/11/2017

- Các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A26) được in từ File "E/SỞ Y TẾ BẮC NINH" được tạo lúc 12 giờ 38 phút chiều ngày 12/11/2017 của CPU máy tính màu đen, không nhãn hiệu gửi đến giám định mẫu so sánh (ký hiệu M12)

- Các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A27 đến A29) được in từ File "E/SỞ Y TẾ BẮC GIANG" được tạo lúc 09 giờ 29 phút sáng ngày 29/10/2017 của CPU máy tính màu đen, không nhãn hiệu gửi đến giám định mẫu so sánh (ký hiệu M12)

Bản Cáo trạng số 15/CTr-VKS ngày 01/3/2018 của Viện trưởng VKSND huyện Y, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố Lương Văn D và Nguyễn Thị M về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; Phạm Thị S và Ngô Văn B về tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 (BLHS 1999).

Tại phiên toà các bị cáo khai:

Lương Văn D thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là đúng và khai nhận: Khoảng cuối tháng 10/2017, D đang làm ở Khu công nghiệp Tiên Sơn thì có việc bận phải nghỉ việc nên cần có giấy ra viện thì mới được nghỉ có lý do nên D đã mua của một người không quen trên mạng Intenet một giấy ra viện của BVĐK tỉnh Bắc Giang nhưng không được công ty chấp nhận mà phải của BVĐK tỉnh Bắc Ninh mới được, quá trình cất bị rách nên có đến quán phô tô của Nguyễn Thị M nhờ làm lại hộ, M đồng ý và làm lại cho bằng cách scan lại, đưa qua máy tính rồi in mầu cả 02 giấy và D trả M 20.000đ, D bảo lưu vào máy để cần thì D lại nhờ làm. Sau đó D thông báo trên mạng Intenet là bán giấy ra viện. Cuối tháng 10/2017 Phạm Thị S gọi điện nhờ mua 05 giấy ra viện, D đồng ý và đến bảo M làm 5 giấy nhưng M làm 8 giấy, D trả cho M 100.000đ. Làm xong D cho mỗi giấy ra viện vào 01 phong bì và gọi điện cho S hẹn gặp cây xăng ở khu công nghiệp Yên Phong, đến nơi gặp B, D đưa cho B 05 giấy ra viện đựng trong 05 phong bì và B đưa cho D 500.000đ, còn 03 giấy D mang về phòng chưa bán cho ai. Đến ngày 22/11/2017 S lại gọi điện cho D mua 23 giấy gồm 18 giấy ra viện và 05 giấy nghỉ hưởng chế độ BHXX đều của BVĐK tỉnh Bắc Ninh. D đồng ý và đến bảo M làm theo yêu cầu của S. Làm xong D gói lại, dán băng dính và trả M 200.000đ rồi gọi điện cho S hẹn gặp nhau ở cầu Xuân Ổ. Đến nơi gặp B, D đưa cho B 23 giấy ra viện và nghỉ hưởng BHXH, B đưa cho D 1.000.000đ rồi D đi về. Số tiền bán được D chi tiêu cá nhân hết. Vụ án bị phát hiện D đã đề nghị ông Lương Văn Th (bố đẻ) nộp lại hộ 1.500.000đ và D tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại Oppo có gắn 02 Sim dùng để giao dịch mua bán giấy ra viện. Khám nơi ở của D cơ quan điều tra (CQĐT) có thu giữ 02 giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH của BVĐK tỉnh Bắc Ninh và 01 của BVĐK tỉnh Bắc Giang.

Nguyễn Thị M thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố hành vi phạm tội của bị cáo và lời khai của D tại phiên tòa là đúng và khai nhận: M đã làm cho D tổng cộng 21 giấy ra viện, 07 giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH, 01 giấy xác nhận nằm viện của BVĐK tỉnh Bắc Ninh, 02 giấy ra viện, 02 giấy chứng nhận nghỉ việc của BVĐK tỉnh Bắc Giang. M làm bằng cách scan và chỉnh sửa theo mẫu mà D đưa cho bằng máy in mầu tại quán phôtô của M và được D trả 320.000đ. Lực lượng công an có thu giữ tại nhà M 01 máy HP ScanJet 200 màu đen trắng đã cũ, không nhớ số sêri; 01 máy in nhãn hiệu Canon màu đen loại IX6770 đã cũ; 01 CPU máy

tính để bàn đã cũ. Những tài sản đó bị cáo dùng để làm giấy tờ giả cho D. Riêng chuột và màn hình máy vi tính, ngày 22/11/2017 sau khi làm xong thì bị hỏng không lên màn hình được, thợ sửa chữa nói bị cháy nên bị cáo đã bỏ ra đống rác thải. M cũng tự nguyện nộp cho CQĐT 01 điện thoại Galaxy J5 dùng liên lạc với D và 300.000đ D trả công in giấy viện.

Phạm Thị S thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố hành vi phạm tội của bị cáo và lời khai của D tại phiên là đúng và khai nhận: S đã mua của D 02 lần tổng cộng 28 giấy viện các loại của BVĐK tỉnh Bắc Ninh và BVĐK tỉnh Bắc Giang. Cả hai lần S đều bảo Ngô Văn B đi nhận giấy do D đưa, B biết đó là giấy tờ viện giả không phải do bệnh viện phát hành nên có khuyên S không mua bán nữa. Sau đó B chở S đi bán 02 lần: Một lần bán cho người có nickname "Nguyễn Chuẩn" 02 giấy được 500.000 đồng, số tiền đó S và B cùng chi tiêu hết và ngày 22/11/2017 bán cho H 23 giấy viện các loại của BVĐK tỉnh Bắc Ninh được 5.000.000đ thì lực lượng công an bắt quả tang và thu giữ tại lòng bàn tay trái của S số tiền 5.000.000 đồng S vừa bán 23 giấy viện cho H và 01 điện thoại Nokia 1208; thu giữ của B 01 xe mô tô Wave Longcin cùng 01 điện thoại Masster. Khi khám nhà lực lượng công an có thu giữ tại phòng trọ của S 01 giấy ra viện, 01 giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng chế độ BHXH của BVĐK tỉnh Bắc Giang; 01 giấy ra viện của BVĐK tỉnh Bắc Ninh. Cả 03 giấy đều đó viết nội dung và chữ ký của Bác sỹ do S tự viết, có người hẹn mua nhưng không đến lấy. Biết việc mình làm là sai nên S đã nhờ bố đẻ nộp lại số tiền hưởng lợi do bán giấy tờ giả là 300.000đ nhưng thực tế nộp 500.000đ. Đề nghị được trả lại 200.000đ. Chiếc điện thoại Oppo dùng để liên lạc với D, trước khi đến gặp H, S cho một người bạn tên Ph mượn, S không biết địa chỉ cụ thể của Ph.

Ngô Văn B thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố hành vi phạm tội của bị cáo, lời khai của D và S là đúng và khai nhận: B là người yêu của S, sau lần đầu nhận giấy tờ từ D ở cây xăng khu công nghiệp Yên Phong đựng trong 5 bì thư và trả cho D 500.000đ về đến phòng trọ thì biết việc S mua đó là giấy tờ giả và B có khuyên Sen không làm thế nữa. Sau đó B vẫn dùng xe máy của mình chở S đi bán cho ai đó B không biết, được tiền hai người cùng nhau chi tiêu. Ngày 22/11/2017 S lại bảo B đi đến cầu Xuân ổ nhận giấy tờ viện từ D và đưa cho B 1.000.000đ để trả D. Nhận giấy xong mang về gầm cầu Đông Yên đưa cho S và S bán cho H được 5.000.000đ thì bị bắt quả tang và có thu giữ của B 01 xe máy Wave Longcin, 01 điện thoại Masster dùng đển liên lạc với D và S. B có tự nguyện nộp lại 200.000đ tiền được hưởng lợi cùng S do bán giấy tờ giả. Đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô và điện thoại.

Ông Lương Văn Th-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông là bố đẻ của D, việc D phạm tội như thế nào ông không biết, đến khi công an thông báo

ông mới biết và theo đề nghị của D ông tự nguyện nộp hộ D 1.500.000đ tiến bất chính. Số tiền đó ông cho D và không yêu cầu D trả lại.

Ông Phạm Văn I-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông là bố đẻ của S, việc S phạm tội như thế nào ông không biết, đến khi công an thông báo ông mới biết và theo đề nghị của S ông tự nguyện nộp hộ Sen 500.000đ tiền bất chính. Số tiền đó ông cho S và không yêu cầu S trả lại. Vợ chồng S sống ly thân, có một con nhỏ ông đang chăm sóc nên đề nghị HĐXX xem xét chiếu cố cho bị cáo để sớm được về chăm sóc con nhỏ.

Đại diện VKSND huyện Y thực hành quyền công tố tại phiên tòa khẳng định: Trong thời gian từ tháng 10/2017 đến ngày 22/11/2017, Lương Văn D đã thuê Nguyễn Thị M 04 lần làm giả con dấu, tài liệu của Bệnh viện tổng cộng 33 giấy; Phạm Thị S và Ngô Văn B đã 02 lần mua của D tổng cộng 28 giấy tờ giả và đã 02 lần bán tổng cộng 25 giấy tờ giả của Bệnh viện nên đã giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng và đề nghị HĐXX tuyên bố Lương Văn D và Nguyễn Thị M phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức"; Phạm Thị S và Ngô Văn B phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 BLHS 1999. Sau khi phân tích tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo đã đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999 xử phạt:

Lương Văn D từ 32-36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 tháng.

Nguyễn Thị M từ 28-32 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 56-60 tháng

Ngô Văn B từ 24-26 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48-52 tháng

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 BLHS 1999; Điều 328 BLTTDS xử phạt: Phạm Thị S từ 28-32 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 56-60 tháng. Trả tự do ngay cho bị cáo nếu không bị giam giữ về tội phạm khác.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999; Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu xung quỹ Nhà nước: 01 máy HP ScanJet 200 màu đen trắng đã qua sử dụng, 01 máy in nhãn hiệu Canon màu đen loại IX6770 đã qua sử dụng, 01 CPU máy tính để bàn, đã qua sử dụng, 01 điện thoại Samsung Galasy J5 có gắn Sim thu giữ của M; 01 điện thoại Oppo có gắn Sim thu giữ của D; 01 điện thoại Nokia 1208 có gắn Sim thu giữ của S; 01 chiếc xe mô tô Wane X Longcin và 01 điện thoại Masster có gắn Sim thu giữ của B. 5.000.000đ thu giữ của S, 1.500.000đ ông Th tự

nguyện nộp hộ D, 300.000đ M tự nguyện nộp, 300.000đ ông I tự nguyện nộp hộ S và 200.000đ B tự nguyện nộp.

Trả lại S 200.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Thu hồi tiếp của M 20.000đ để xung công quĩ nhà nước.

Các bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết qủa tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa thể hiện: Trong thời gian từ cuối tháng 10/2017 đến ngày 22/11/2017, Lương Văn D và Nguyễn Thị M đã 04 lần làm giả con dấu, tài liệu của Bệnh viện với tổng số 33 tài liệu và con dấu; Phạm Thị S và Ngô Văn B đã 02 lần làm giả tài liệu của Bệnh viện, tổng cộng 28 tài liệu nên đại diện VKSND huyện Yên Phong thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng và đề nghị HĐXX tuyên bố Lương Văn D và Nguyễn Thị M phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức"; Phạm Thị S và Ngô Văn B phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo đều phạm tội nhiều lần nên hành vi của các bị cáo phạm vào điểm b khoản 2 Điều 267 BLHS 1999.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc thống nhất chặt chẽ cùng nhau.

Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Mỗi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tương đối độc lập với nhau. Tuy nhiên Duy là người chủ động rủ rê làm giả con dấu, tài liệu, rồi thuê Mai thực hiện và giao bán trên mạng Intenet. Sau đó Duy bán số tài liệu đó cho Sen để thu lợi nên Duy giữ vai trò chính. Mai là người trực tiếp thực hiện việc làm giả con dấu, tài liệu cho Duy, Sen là người đặt Duy làm giả giấy tờ nhằm bán kiếm lời nên Mai và Sen giữ vai trò ngang nhau và là thứ hai. Bình là người giúp sức cho Sen nên giữ vai trò sau cùng.

Xét về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính, xâm phạm sự hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan Nhà

nước, tổ chức, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bởi vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Không có tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều xuất thân từ nhân dân lao động, từ trước đến nay chưa có sai phạm gì, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội các bị cáo đều tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của BLHS 1999 nên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ qui định tại Điều 46 BLHS và các giấy tờ tài liệu giả cơ bản được thu hồi chưa sử dụng nên cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục và cải tạo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với đối tượng bán giấy ra viện của BVĐK tỉnh Bắc Giang cho D, D không biết tên, địa chỉ, không nhớ số điện thoại nên CQĐT Công an huyện Y không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý.

Đối tượng Nguyễn Thị H đã có hành vi mua các giấy ra viện, giấy xác nhận nằm viện, giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH giả BVĐK tỉnh Bắc Ninh của S, trong quá trình làm việc tại CQĐT đã bỏ trốn. CQĐT Công an Y đã tiến hành xác minh nhưng không có đối tượng nào có lý lịch như lời khai, CQĐT Công an huyện Yên Phong không có căn cứ để xử lý nên tách tài liệu khi nào điều tra làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với người đàn ông có nickname "Nguyễn Chuẩn" là người đã mua 02 giấy ra viện giả của BVĐK tỉnh Bắc Ninh của S, nhưng S không biết tên, tuổi, địa chỉ, nơi làm việc của người có nickname trên, không nhớ số điện thoại nên CQĐT Công an huyện Y không có căn cứ để xác minh xử lý, CQĐT Công an huyện Y tách tài liệu khi nào điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với Trịnh Thị Ng và Phạm Thị Th có hành vi đặt mua các giấy ra viện, giấy chứng nhận nghỉ việc của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh từ D và S nhưng do không có địa chỉ cụ thể, D và S không nhớ số điện thoại nên CQĐT Công an huyện Y không có căn cứ để xác minh làm rõ, nên tách tài liệu khi nào xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với Lương Thị L là người hỏi mua giấy ra viện của S cho Nông Văn Đ, sau đó Đ không mua nữa do không cần dùng đến giấy ra viện và Phạm Văn Th có hỏi mua giấy ra viện của S nhưng sau đó cũng không mua nữa do không cần dùng đến giấy ra viện. Cả ba đối tượng đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, cam kết không tái diễn nên CQĐT Công an huyện Y chỉ gọi nhắc nhở là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: BVĐK tỉnh Bắc Ninh và BVĐK tỉnh Bắc Giang trình bày chưa bị thiệt hại gì về vật chất, hai bệnh viện không yêu cầu gì về vấn đề bồi thường và đề nghị không tham gia tố tụng nên cần ghi nhận sự tự nguyện đó.

Về vật chứng: 01 máy HP ScanJet 200 màu đen trắng đã qua sử dụng, 01 máy in nhãn hiệu Canon màu đen loại IX6770 đã qua sử dụng, 01 CPU máy tính để bàn, đã qua sử dụng, 01 điện thoại Samsung Galasy J5 có gắn Sim thu giữ của M; 01 điện thoại Oppo có gắn Sim thu giữ của D; 01 điện thoại Nokia 1208 có gắn Sim thu giữ của S và 01 điện thoại Masster có gắn Sim, 01 xe mô tô Wave longcin thu giữ của B. Đây là những tài sản liên quan đến hành vi phạm tội, vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu xung công quĩ nhà nước.

Số tiền 5.000.000đ thu giữ của S, 1.500.000đ ông Th tự nguyện nộp hộ D, 300.000đ M tự nguyện nộp, 300.000đ ông I tự nguyện nộp hộ S và 200.000đ B tự nguyện nộp. Đây là số tiền có được do thu lợi bất chính nên tịch thu xung công quỹ nhà nước.

Số tiền ông I nộp hộ cho S 500.000đ còn thừa 200.000đ nên trả lại cho S nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với chiếc điện thoại OPPO màu vàng hồng có gắn sim 01626960982 mà S dùng để liên lạc bán các giấy tờ giả, S khai trước khi ra gặp H để bán giấy viện, S có cho Ph quê ở Nghệ An mượn nhưng S không biết địa chỉ, nơi làm việc cụ thể của Ph nên CQĐT Công an huyện Y không thu hồi được.

Đối với chuột và chiếc màn hình vi tính và bàn phím M dùng để làm và chỉnh sửa giấy ra viện bán cho D sau đó bị chập hỏng và buổi chiều ngày 22/11/2017 M đã bỏ ra sọt rác trước cửa nhà và có người ve chai nhặt mang đi đâu M không biết nên CQĐT Công an huyện Y không thu hồi được.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Lương Văn D và Nguyễn Thị M phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; Phạm Thị S và Ngô Văn B phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 BLHS 1999. **Phạt**:

1. Lương Văn D 36 (Ba sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao cho UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Nguyễn Thị M 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao cho UBND phường Đ, thị

xã T, tỉnh Bắc Ninh nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Ngô Văn B 24 (Hai bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60; BLHS 1999. khoản 4 Điều 328 BLTTHS.

Phạt: Phạm Thị S 30 (Ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao cho UBND xã Y, huyện Y , tỉnh Nam Định nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trả tự do ngay cho bị cáo nếu không bị giam giữ về tội phạm khác.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS 1999; Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu xung công quĩ nhà nước: 01 máy HP ScanJet 200 màu đen trắng đã qua sử dụng, 01 máy in nhãn hiệu Canon màu đen loại IX6770 đã qua sử dụng, 01 CPU máy tính để bàn đã qua sử dụng, 01 điện thoại Samsung Galasy J5 có gắn Sim thu giữ của M; 01 điện thoại Oppo có gắn Sim thu giữ của D; 01 điện thoại Nokia 1280 có gắn Sim thu giữ của S; 01 xe mô tô Wave longcin và 01 điện thoại Masster có gắn Sim thu giữ của B; 5.000.000đ thu giữ của S, 1.500.000đ ông Th tự nguyện nộp hộ D, 300.000đ M tự nguyện nộp, 300.000đ ông I tự nguyện nộp hộ S và 200.000đ B tự nguyện nộp.

Trả lại S 200.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Thu hồi tiếp của Nguyễn Thị M 20.000đ để xung công quĩ nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Về án phí: D, M, S và B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - LTHADS thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 - LTHADS. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 THADS.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh.
-VKS, CA, THADS huyện.
-Những người tham gia tố tụng.
-Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)
Lương Đức Năm